

Bản án số: 46/2023/DS-PT

Ngày: 24 - 02 - 2023

*V/v Tranh chấp đòi lại quyền*

*sử dụng đất và yêu cầu công nhận*

*quyền sử dụng đất.*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Hoàng Thành

*Các Thẩm phán:* 1. Ông Nguyễn Văn Dũ

2. Ông Hồ Văn Phụng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Trung An - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** – Bà Dương Thị Ngọc Bích, Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2023/TLPT-DS ngày 12 tháng 01 năm 2023 về việc “*Tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất và yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 86/2022/DS-ST ngày 28/9/2022 của Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 25/2022/QĐ-PT ngày 07 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:**

1. Ông Nguyễn Xuân S; sinh năm 1962 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp M, xã M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân S:*  
Luật sư Nguyễn Văn T – Văn phòng Luật sư Tuấn Nguyễn thuộc đoàn luật sư thành phố Cần Thơ (ông Tuấn có mặt)

2. Bà Đinh Thị N; sinh năm: 1966 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp M, xã M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

**- Bị đơn:** Ông Lê Minh T; sinh năm: 1968 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp M, xã M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Nguyễn Văn T1; sinh năm: 1990 (vắng mặt)

2. Ông Nguyễn Trường G; sinh năm: 1992 (vắng mặt)

3. Bà Lê Thanh P; sinh năm: 1991 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp M, xã M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng  
Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Trường G và bà Lê Thanh P: Ông Nguyễn Xuân S; sinh năm: 1962 (ông S có mặt)

4. Bà Nguyễn Thị V (D); sinh năm: 1967 (vắng mặt)

5. Ông Lê Minh L; sinh năm: 1986 (vắng mặt)

6. Bà Lê Thị Cẩm N; sinh năm: 1990 (vắng mặt)

7. Bà Lê Thị Như A (A); sinh năm: 1991 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp M, xã M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng  
Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị V, Lê Minh L, Lê Thị Cẩm N, Lê Thị Như A: Ông Lê Minh T; sinh năm: 1968 (ông T có mặt)

- Ngân hàng N;

Địa chỉ: Số 0, phường T, quận N, H.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hồ Bữu A- Trưởng phòng kế hoạch kinh doanh Ngân hàng N – Chi nhánh thị xã N (có mặt)

Địa chỉ: Khóm 1, phường 1, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

Người kháng cáo: Các nguyên đơn Nguyễn Xuân S và Đinh Thị N

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện đề ngày 03/11/2020 của ông Nguyễn Xuân S và bà Đinh Thị N, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bà Đinh Thị N, ông Nguyễn Xuân S đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Trường G và bà Lê Thanh P trình bày:*

Gia đình ông S là chủ sở hữu hợp pháp tại thửa đất số 351 diện tích 2.360m<sup>2</sup> do Ủy ban nhân dân huyện T (nay là thị xã N ) cấp cho hộ ông Nguyễn Xuân S theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D0415546 ngày 18/10/1994, nguồn gốc thửa đất này do ông S nhận chuyển nhượng của ông Kiều Văn V là 02 công tầm cây đất vào năm 1984, khi nhận chuyển nhượng giữa ông S và ông V có trực tiếp đo diện tích đất là giáp lộ cũ, không chuyển nhượng bờ ranh (do bờ ranh sau này ông V chuyển nhượng đất cho ông Th - cha vợ của ông T), chỉ chuyển nhượng đất ruộng. Sau khi nhận chuyển nhượng, năm 1985 thì ông S thuê người đào mương có chiều ngang 03m giáp với ông T, phía ông T cũng nhận chuyển nhượng đất từ ông Kiều Văn V nhưng thời điểm đó ông V chuyển nhượng cho cha vợ ông T là ông Th , khi đó phần đất ông Th nhận chuyển nhượng giáp với đất của ông cũng có đào mương xung quanh và giáp với đất của ông là bờ ruộng làm ranh, sau này ông Th mới cho lại ông T quản lý, sử dụng. Sau khi chuyển nhượng đất của ông V, gia đình ông S sử dụng từ trước đến nay, hàng năm gia đình ông S thường nạo vét con mương bồi đắp lên bờ

mương để trồng cây. Tuy nhiên, hiện nay ông Lê Minh T cho rằng đường mương ranh là mỗi bên  $\frac{1}{2}$  mương, gia đình ông S không đồng ý thì ông T cản trở quyền sử dụng đất, theo ông S thì phần đường mương nước bên phần đất của ông T thì ông T đã san lấp đất, nay ông T cho rằng  $\frac{1}{2}$  đường mương nước còn lại của ông T là không đúng, vì  $\frac{1}{2}$  đường mương nước còn lại này là đường mương nước của phía gia đình ông S đào trước đây như đã nêu trên. Đồng thời, đối với phần đường mương nước hiện đang tranh chấp, trong quá trình sử dụng thì phía ông S có lấp một phần do phần này ở vị trí phía trước nhà của ông nên ông mới lấp.

Nay ông Nguyễn Xuân S và bà Đinh Thị N yêu cầu ông Lê Minh T trả lại phần đất và công nhận quyền sử dụng đất cho ông S và bà Ngọt theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 07/5/2021 đất có diện tích 154,3m<sup>2</sup> thuộc thửa 351, tờ bản đồ số 5 tọa lạc ấp M, xã M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

*Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, ông Lê Minh T đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị V, ông Lê Minh L, bà Lê Thị Cẩm N và bà Lê Thị Như A trình bày:*

Trước đây vào năm 1990 – 1991 ông nhận chuyển nhượng đất từ ông Kiều Văn V, đến năm 1994 thì ông được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa 352, tờ bản đồ số 5 tọa lạc ấp M, xã M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng có diện tích 2.310m<sup>2</sup>. Vào khoảng năm 1997-1998, Nhà nước đào kênh N nên ông bị mất một phần đất. Hiện trạng đất trước đây khi ông V chuyển nhượng cho ông bao gồm căn nhà của ông V và đất được ông V đào đường mương nước xung quanh có chiều ngang khoảng 02m, giáp với đường mương nước là bờ ruộng cũng là của ông V, phần bờ ruộng này khi chuyển nhượng đất thì ông V chuyển nhượng luôn cho ông và là ranh đất giữa ông với đất của phía nguyên đơn. Đồng thời, phía nguyên đơn cũng đào đường mương nước giáp với bờ ruộng này, do phần đất của ông và phía nguyên đơn đều có đường mương nước xung quanh, ở giữa là bờ ruộng (bờ ranh) và ông canh tác từ khi nhận chuyển nhượng đất của ông V đến nay đã lâu nên bờ ranh này không còn nguyên hiện trạng và phần đường mương nước bên phía đất của ông và đường mương nước bên phía đất của phía nguyên đơn cũng không còn nguyên hiện trạng nên thành một đường mương nước như hiện nay đang tranh chấp và vị trí của bờ ranh này chính là ở giữa đường mương nước. Sau này, do đường mương nước ở trước nhà phía nguyên đơn nên phía nguyên đơn là vợ chồng ông S mới nói với ông xin lấp một phần đường mương nước nên hiện nay phần đất hiện đang tranh chấp chỉ còn một phần là đường mương nước vì phần đường mương nước trước nhà phía nguyên đơn đã được san lấp. Lúc đó, giữa ông và phía nguyên đơn là vợ chồng ông S

có thỏa thuận cắm ranh đất tại vị trí bờ ranh cũ trước đây theo đó mỗi bên sử dụng phân nửa đường mương nước và hai bên đều thống nhất. Sau này, vợ chồng ông S cho rằng toàn bộ đường mương nước là của phía vợ chồng ông S và yêu cầu ông trả lại là không đúng, ông không đồng ý vì phân nửa đường mương nước như đã nêu trên là của phía gia đình ông.

Tại văn bản ngày 19/8/2022, Ngân hàng N không có yêu cầu trong vụ án này.

\* Sự việc được Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Sóc Trăng thụ lý và giải quyết. Tại bản án số 86/2022/DS-ST ngày 28/9/2022 đã quyết định: Căn cứ vào khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 165; Điều 271; Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 166 của Bộ luật dân sự; Điều 203 của Luật đất đai;

Căn cứ khoản 3 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân S, bà Đinh Thị N về việc yêu cầu bị đơn ông Lê Minh T trả lại đất và công nhận quyền sử dụng đất có diện tích 154,3m<sup>2</sup> thuộc thửa 351, tờ bản đồ số 5 tọa lạc ấp M, xã M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng, có vị trí tứ cận như sau: Hướng đông giáp lộ cũ, có số đo 2,87m; hướng tây giáp thửa 350, có số đo 2,35m, hướng bắc giáp thửa 351, có số đo 60,27m, hướng nam giáp thửa 352, có số đo 59,75m. (Có sơ đồ kèm theo).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và thông báo quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 11 tháng 10 năm 2022 các nguyên đơn có đơn kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn, yêu cầu ông Lê Minh T trả lại đất và công nhận quyền sử dụng đất có diện tích 154,3 m<sup>2</sup> thuộc thửa 351, tờ bản đồ số 05, tọa lạc ấp M, xã M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng cho các nguyên đơn.

\* Tại phiên tòa phúc thẩm, các nguyên đơn không rút đơn khởi kiện và giữ nguyên đơn kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

\* Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày quan điểm và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn kháng cáo của các nguyên đơn áp dụng khoản 2 Điều 308 sửa bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã N theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

\* Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về tính có căn cứ và hợp pháp của kháng cáo, về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm. Đồng thời, phát biểu quan điểm về nội dung kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các nguyên đơn Nguyễn Xuân S và Đinh Thị N, áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu và đề nghị của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Người có quyền kháng cáo, nội dung và hình thức đơn kháng cáo, thời hạn kháng cáo của các nguyên đơn Nguyễn Xuân S và Đinh Thị N là đúng theo quy định tại Điều 271, Điều 272 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, nên kháng cáo là hợp lệ và đúng luật định. Nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của các nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Tại phiên tòa nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận nguồn gốc đất tranh chấp là do nhận chuyển nhượng từ ông Kiều Văn V. Ông V chuyển nhượng 02 công tằm cấy đất ruộng cho ông Sơn, không chuyển nhượng bờ ruộng là bờ ranh, phần đất còn lại bao gồm bờ ranh thì ông V chuyển nhượng cho phía bị đơn. Sau khi chuyển nhượng thì phía nguyên đơn ông Nguyễn Xuân S tiến hành đào mương chiều ngang 03m để làm ranh giáp với bờ ruộng mà ông V chuyển nhượng cho phía bị đơn, đồng thời phần đất phía bị đơn nhận chuyển nhượng từ ông V cũng có sẵn đường mương nước do ông V đào xung quanh có chiều ngang khoảng 02m giáp bờ ruộng.

[3] Qua thẩm định, đo đạc và Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 07/5/2021 thì phần đất hiện đang tranh chấp mà nguyên đơn yêu cầu là khoảng phân nửa đường mương nước có tổng diện tích 154m<sup>2</sup>, trong đó có một phần trước nhà nguyên đơn do phía nguyên đơn san lấp được các đương sự thừa nhận, phần còn lại là đường mương nước phía nguyên đơn đang quản lý, sử dụng không tranh chấp. Phía nguyên đơn cho rằng phần đất tranh chấp nêu trên nằm trong đường mương nước có chiều ngang 03m do phía gia đình nguyên đơn đào, trước đây đất của hai bên đều có đào đường mương nước, ở giữa là bờ ruộng, nhưng phía bị đơn ông Lê Minh T đã san lấp đường mương nước của phía ông T và lấn qua đất là đường mương nước của nguyên đơn như đã nêu trên.

[4] Phía bị đơn ông Lê Minh T cho rằng phần đất của nguyên đơn và đất của bị đơn trước đây có bờ ruộng làm ranh, hai bên bờ ruộng thì phía nguyên đơn và phía bị đơn đều có đào mương, vị trí bờ ruộng là ranh đất của hai bên hiện là ngay giữa đường mương nước (giữa phần đất hiện đang tranh chấp và phần đường mương nước còn lại hiện ông S đang quản lý, sử dụng không có tranh chấp), thấy rằng hiện trạng phần đất tranh chấp theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 07/5/2021 là khoảng phân nửa đường mương, có

tổng diện tích 154m<sup>2</sup>, trong đó có một phần trước nhà nguyên đơn giáp thửa 350 và thửa 351 do phía nguyên đơn san lấp, phần còn lại là đường mương nước giáp lộ cũ. Phần giáp lộ cũ theo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 07/5/2021 được đo đạc số thứ tự là 6-7 có số đo là 2,87m, phần giáp thửa 350 được đánh số thứ tự là 2-3 có số đo 2,35m. Do phần đất tranh chấp này qua thẩm định, đo đạc được xác định là khoảng phân nửa đường mương nước có số đo hai đầu như đã nêu trên nên phần còn lại của đường mương nước không tranh chấp hiện nay do phía nguyên đơn đang quản lý, sử dụng có số đo tương ứng với phần đất đang tranh chấp, đối chiếu với lời trình bày của phía nguyên đơn ông Nguyễn Xuân S thì trước đây ông có đào đường mương 03m xung quanh đất của ông thì phần đường mương nước còn lại không tranh chấp mà phía nguyên đơn đang quản lý, sử dụng có chiều ngang cũng tương ứng với phần đường mương nước này nên phần còn lại hiện là phần đất đang tranh chấp được xác định là bờ ruộng và đường mương nước trước đây do phía bị đơn nhận chuyển nhượng từ chủ đất gốc là ông Kiều Văn V.

[5] Đối với lời trình bày của ông Kiều Văn V, trong quá trình giải quyết vụ án thì nguyên đơn ông Nguyễn Xuân S có cung cấp Bản tự khai của ông Kiều Văn V đề ngày 17/8/2022, tuy nhiên bản tự khai này ông V khai chưa đầy đủ nội dung sự việc, Tòa án trực tiếp tiến hành lấy lời khai của ông Kiều Văn V tại biên bản lấy lời khai người làm chứng ngày 15/8/2022 (bút lục 113-114) thì ông V khẳng định phần đất ông chuyển nhượng cho ông T trước đây ông có đào đường mương nước xung quanh và ở giữa giáp ranh đất của ông S có bờ ruộng làm ranh (hiện cạnh này đang tranh chấp), khi chuyển nhượng đất cho ông T ông chuyển nhượng luôn phần đường mương nước và bờ ruộng, phần đường mương nước và bờ ruộng này không chuyển nhượng cho ông S đúng như lời trình bày của phía nguyên đơn và bị đơn tại phiên tòa.

[6] Như vậy, có cơ sở khẳng định, sau khi nguyên đơn và bị đơn nhận chuyển nhượng đất từ ông Kiều Văn V, phía nguyên đơn đào đường mương nước xung quanh đất, phần đất bị đơn nhận chuyển nhượng từ ông V thì đã có sẵn đường mương nước xung quanh đất do ông V đào và có bờ ranh ở giữa phần đất của nguyên đơn và bị đơn, phần đường mương nước và bờ ranh này được nguyên đơn thừa nhận là của bị đơn. Trong quá trình sử dụng đất kể từ khi chuyển nhượng từ ông V cho đến nay đã lâu nên bờ ranh này hiện không còn nguyên hiện trạng, phía nguyên đơn cho rằng phần đường mương nước và bờ ranh ông V chuyển nhượng cho bị đơn đã được bị đơn san lấp nhưng không có chứng cứ gì chứng minh cho lời trình bày của mình là có căn cứ. Do đó, bị đơn ông Lê Minh T cho rằng phần đất của ông là phân nửa đường mương nước hiện đang tranh chấp là có cơ sở.

[7] Đồng thời, hiện nay phía nguyên đơn ông Nguyễn Xuân S đang quản lý, sử dụng đất có diện tích 2.563m<sup>2</sup> nhiều hơn so với giấy chứng nhận quyền sử dụng được cấp (giấy chứng nhận được cấp cho hộ Sơn có diện tích 2.360m<sup>2</sup>) và thực tế phần đất hiện nay ông S đang quản lý, cũng tương đương với phần đất ông V chuyển nhượng lại cho ông S trước đây. Mặt khác, tại biên bản hòa giải ngày 27/11/2019 của Ủy ban nhân dân xã Mỹ Bình thì ông S cũng thống nhất đo đạc theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, phần đất còn lại dư thì khi nào nhà nước thu hồi thì ông cũng đồng ý. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn là có căn cứ.

[8] Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các nguyên đơn ông Nguyễn Xuân S và bà Đinh Thị N, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

[9] Tuy nhiên, trong phần quyết định của bản án sơ thẩm buộc các nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng không khấu trừ số tiền các nguyên đơn đã nộp tạm ứng là có thiếu sót. Cấp phúc thẩm bổ sung cho đầy đủ.

[10] Do kháng cáo không được chấp nhận nên các nguyên đơn phải chịu án phí phúc thẩm theo qui định.

[11] Đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các nguyên đơn là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[12] Đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ nên Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

[13] Các phần khác được nêu trong phần quyết định của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo qui định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 308, Khoản 1 Điều 148, Khoản 6 Điều 313 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của các nguyên đơn ông Nguyễn Xuân S và bà Đinh Thị N.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 86/2022/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Sóc Trăng như sau:

Căn cứ Điều 166 của Bộ luật dân sự; Điều 203 của Luật đất đai;

Căn cứ khoản 3 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn ông Nguyễn Xuân S, bà Đinh Thị N về việc yêu cầu bị đơn ông Lê Minh T trả lại đất và công nhận quyền sử dụng đất cho các nguyên đơn có diện tích 154,3m<sup>2</sup> thuộc thửa 351, tờ bản đồ số 5 tọa lạc ấp M, xã M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng, có vị trí tứ cận như sau: Hướng đông giáp lộ cũ, có số đo 2,87m; hướng tây giáp thửa 350, có số đo 2,35m, hướng bắc giáp thửa 351, có số đo 60,27m, hướng nam giáp thửa 352, có số đo 59,75m.

(Có sơ đồ kèm theo)

2. Về chi phí xem xét, thẩm định, định giá tài sản: Nguyễn Xuân S, bà Đinh Thị N phải chịu 6.244.952 đồng, ông Nguyễn Xuân S và bà Đinh Thị N đã nộp xong chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Xuân S và bà Đinh Thị N phải chịu 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0007576 ngày 03 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

4. Về án phí phúc thẩm: Ông Nguyễn Xuân S và bà Đinh Thị N mỗi người phải chịu 300.000 đồng, Nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng mỗi người đã nộp 300.000 đồng theo các biên lai thu tiền số 0002698 và 0002699 cùng ngày 11 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. Các nguyên đơn đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

5. Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

### **Nơi nhận:**

- TAND tx N ;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND tx N ;
- Chi cục THADS tx N ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Nguyễn Hoàng Thành**

